

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh đối với hồ sơ, dự thảo Nghị quyết trình tại kỳ họp thứ 19, HĐND tỉnh khóa IX

Thực hiện Báo cáo số 07/BC-HĐND ngày 25/02/2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách về dự thảo Nghị quyết phân bổ kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 từ nguồn ngân sách tỉnh cho các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (đợt 1); Báo cáo số 08/BC-HĐND ngày 25/02/2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi, thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 từ nguồn ngân sách nhà nước.

Trên cơ sở tham mưu tổng hợp, báo cáo của cơ quan chuyên môn, UBND tỉnh tiếp thu toàn bộ nội dung, ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế-Ngân sách, HĐND tỉnh tại các Báo cáo thẩm tra nêu trên và bổ sung, giải trình một số nội dung theo ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh như sau:

1. Đối với Báo cáo thẩm tra số 07/BC-HĐND ngày 25/02/2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách:

- Đối với nội dung cơ quan tài chính thẩm định dự toán kinh phí còn có nội dung chưa sát, cần phải xem xét, điều chỉnh, cụ thể:

“- Đối với cấp tỉnh:

+ Tại biểu số 2a: Tính thừa tiền thuê phòng nghỉ của các đoàn kiểm tra, giám sát 144 triệu đồng; của Tổ công tác (đi địa bàn không rõ nội dung) 64,8 triệu đồng. Chi khắc dấu, đóng hòm phiếu mới 100% cho các tổ bầu cử (trong khi quy định chi khắc dấu trong trường hợp dấu cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung; chi đóng hòm phiếu trong trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng hoặc cần bổ sung). Giá dự toán gói thầu tư vấn tính thừa một số nội dung. Một số nội dung lại tính thiếu đối tượng như kinh phí hỗ trợ tiền điện thoại...

+ Tại biểu số 2b: Chi tiền thuê phòng nghỉ của các đợt đi công tác trong tỉnh; số lần đi giám sát chưa phù hợp (50 lần).

+ Đối với cấp huyện (tại biểu số 03): Tính thừa kinh phí xây dựng văn bản liên quan đến công tác bầu cử, do các Phòng Nội vụ không xây dựng văn bản liên quan đến công tác bầu cử, tổ chức Hội nghị giao ban riêng, tổ chức Hội nghị tổng kết

công tác bầu cử riêng; tính thiếu kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương (03 Hội nghị hiệp thương cấp xã tổ chức có thành phần thôn, tổ); tính thừa số Hội nghị cử tri tại nơi cư trú, Hội nghị tiếp xúc cử tri vận động bầu cử ở cấp huyện và cấp xã, tăng gấp nhiều lần so với thực tế cần triển khai, ...”

UBND tỉnh giải trình những nội dung nêu trên như sau: Tại thời điểm UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí đợt 1 cho các cơ quan, đơn vị, số liệu thành viên các tổ chức bầu cử các cấp mới chỉ là số dự ước, trong đó một số tổ chức bầu cử chưa được thành lập (như: Các Ban bầu cử, Tiểu ban bầu cử, Tổ bầu cử); các đơn vị, địa phương xác định chưa chính xác nội dung công việc bầu cử cần phải thực hiện, các kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ bầu cử chưa được ban hành; theo đó các đơn vị, địa phương lập dự toán kinh phí bầu cử chưa sát với tình hình thực tế, cơ quan tài chính khó có thể thẩm định dự toán kinh phí bầu cử được chính xác. Do vậy, số liệu đưa vào tính dự toán cấp đợt 1 chỉ là số dự ước, dẫn đến một số nội dung tính toán chưa sát như Ban Kinh tế - Ngân sách đã chỉ ra. Sau khi Nghị quyết quy định về nội dung, mức chi, thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng về bầu cử được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính hướng dẫn các đơn vị, địa phương xây dựng dự toán, kiểm tra, thẩm định lại dự toán kinh phí bầu cử đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả làm cơ sở cấp, điều chỉnh, bổ sung kinh phí bầu cử đợt tiếp theo.

- Đối với nội dung: *“Tại biểu 2c: UBND tỉnh đề xuất phân bổ kinh phí giải quyết khiếu nại tố cáo cho Thanh tra tỉnh, bên cạnh đó Sở Nội vụ, UBMTTQ tỉnh cũng lập dự toán thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo. Ban đề nghị trên cơ sở nhiệm vụ của Tiểu ban giải quyết khiếu nại, tố cáo, an ninh trật tự và y tế, xác định cơ quan được phân bổ sử dụng kinh phí bầu cử phù hợp với nhiệm vụ được Ủy ban bầu cử phân công...”*: Theo dự thảo Kế hoạch của Tiểu ban Giải quyết khiếu nại - Tố cáo, An ninh trật tự và Y tế, cơ quan thường trực được giao cho Thanh tra tỉnh, do đó việc bố trí kinh phí cho Thanh tra tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về giải quyết khiếu nại, tố cáo là phù hợp.

- Về nguồn kinh phí phân bổ: Ngày 24/02/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 235/QĐ-TTg về việc bổ sung kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 (đợt 1), theo đó tỉnh Bắc Kạn được phân bổ số tiền 5.252 triệu đồng. Do vậy, UBND tỉnh đề nghị điều chỉnh nội dung về nguồn kinh phí phân bổ tại dự thảo Nghị quyết như sau:

- + Nguồn quản lý hành chính tỉnh điều hành năm 2021: 11.177 triệu đồng.
- + Nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2021 cho nhiệm vụ bầu cử (đợt 1): 5.252 triệu đồng.
- + Dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2021: 7.352 triệu đồng.

Các số liệu thay đổi về đơn vị được phân bổ và nguồn kinh phí phân bổ được điều chỉnh cụ thể tại dự thảo Nghị quyết kèm theo Báo cáo này.

(Có dự thảo Nghị quyết kèm theo)

2. Đối với Báo cáo thẩm tra số 08/BC-HĐND ngày 25/02/2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách:

Đối với nội dung “Ban đề nghị UBND tỉnh làm rõ việc phân định số lượng cử tri giữa các mức khoán để tránh sự chênh lệch, đảm bảo tính hợp lý”, UBND tỉnh giải trình, làm rõ thêm như sau: Tại dự thảo Nghị quyết, cơ quan soạn thảo đề xuất phân định số lượng cử tri theo 03 mức là: Từ 200 cử tri trở xuống, từ trên 200 đến 500 cử tri và từ trên 500 cử tri trở lên. Do hiện nay số lượng cử tri tại các Tổ bầu cử chưa có kết quả rà soát chính thức nên để phù hợp với tình hình thực tế, UBND tỉnh căn cứ trên cơ sở số lượng cử tri đi bầu của các Tổ bầu cử nhiệm kỳ 2016-2021, đề xuất phân định lại số lượng cử tri theo 03 mức như sau: Dưới 200 cử tri, từ 200 đến dưới 400 cử tri và từ 400 cử tri trở lên.

Các nội dung tiếp thu ý kiến thẩm tra tại Báo cáo số 08/BC- HĐND ngày 25/02/2021 được bổ sung, điều chỉnh tại dự thảo Nghị quyết kèm theo Báo cáo này.

(Có dự thảo Nghị quyết kèm theo)

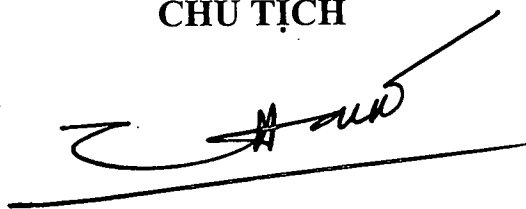
Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tiếp thu, giải trình nội dung như trên theo ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế- Ngân sách, HĐND tỉnh để các đại biểu HĐND tỉnh có cơ sở xem xét, quyết định thông qua các Nghị quyết, Báo cáo tại kỳ họp thứ 19, HĐND tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021./.

Nơi nhận:

- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- LĐVP (Ô Chính, Ô Nguyên);
- Lưu: VT, Khởi, Hồng, Lan.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Long Hải

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC KẠN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày tháng 3 năm 2021

(Dự thảo)

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 từ nguồn ngân sách tỉnh cho các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (đợt 1)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 -2026;

Căn cứ Quyết định số 235/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 (đợt 1);

Căn cứ Công văn số 1834/BTC-NSNN ngày 24/02/2021 của Bộ Tài chính về việc bổ sung kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 (đợt 1) tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND ngày /3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành quy định nội dung, mức chi, thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 từ nguồn ngân sách nhà nước;

Sau khi xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày /02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết phân bổ kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 từ nguồn ngân sách tỉnh cho các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (đợt 1); Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2021 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

1. Phân bổ kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 (đợt 1) là 23.781 triệu đồng (*Hai mươi ba tỷ bảy trăm tám mươi một triệu đồng*), trong đó:

- Các đơn vị cấp tỉnh: 4.947 triệu đồng.
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: 18.834 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết số 01 kèm theo)

2. Nguồn kinh phí phân bổ:

- Nguồn quản lý hành chính tỉnh điều hành năm 2021: 11.177 triệu đồng.
- Nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2021 cho nhiệm vụ bầu cử (đợt 1): 5.252 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2021: 7.352 triệu đồng.

Trường hợp được Trung ương cấp bổ sung có mục tiêu thêm cho tỉnh kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, giao Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện hoàn trả lại các nguồn của tỉnh theo đúng quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai Nghị quyết.

2. Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khoá IX, kỳ họp thứ mười chín thông qua ngày tháng 03 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ Tài chính;
- TT tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- TT Huyện (Thị uỷ), HĐND, UBND, UBMTTQ các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

Phương Thị Thanh

**BIỂU PHÂN BỐ KINH PHÍ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG
NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021-2026 (ĐỢT 1)**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /3/ 2021 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kinh phí bầu cử phân bố đợt 1
1	2	3
	Tổng cộng	23.781
I	Khối Tỉnh	4.947
1	Sở Nội vụ	3.745
2	Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh	578
3	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh	33
4	Văn phòng UBND tỉnh	33
5	Đài Phát thanh và Truyền hình	33
6	Văn phòng Tỉnh uỷ	67
7	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	67
8	Công an tỉnh	100
9	Sở Tài chính	67
10	Sở Tư pháp	13
11	Thanh tra tỉnh	77
12	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	33
13	Sở Thông tin và Truyền thông	33
14	Tinh đoàn Bắc Kạn	13
15	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	13
16	Hội Nông dân tỉnh	13
17	Hội Cựu chiến binh tỉnh	13
18	Liên đoàn Lao động tỉnh	13
II	Khối huyện	18.834
1	Thành phố Bắc Kạn	1.390
2	Huyện Bạch Thông	2.438
3	Huyện Chợ Mới	2.401
4	Huyện Chợ Đồn	3.321
5	Huyện Na Rì	3.090
6	Huyện Ngon Sơn	1.859
7	Huyện Ba Bể	2.510
8	Huyện Pác Nặm	1.824

Số: /2021/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày tháng 3 năm 2021

Dự thảo NQ lần 3

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định nội dung, mức chi, thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 từ nguồn ngân sách nhà nước

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026;

Xét Tờ trình số 06/TTr-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành quy định mức chi, thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 từ nguồn ngân sách nhà nước; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi, thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 từ nguồn ngân sách nhà nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khóa IX, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày tháng 3 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- TT Huyện (thành) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

Phương Thị Thanh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Nội dung, mức chi, thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 từ nguồn ngân sách nhà nước

(Kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND ngày tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi, thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 từ nguồn ngân sách nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.
- b) Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.
- c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Quy định chung

1. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 do ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương đảm bảo.

Trường hợp ngân sách cấp trên hỗ trợ chưa đủ kinh phí tổ chức bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã căn cứ tình hình thực tế, yêu cầu nhiệm vụ công tác và khả năng ngân sách, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định bổ sung kinh phí từ ngân sách cấp huyện, cấp xã để phục vụ cho công tác bầu cử tại địa phương quản lý.

2. Các cơ quan, đơn vị được giao kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả; tuân thủ chế độ, định mức tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tiếp tục sử dụng các phương tiện, thiết bị đã được trang bị để phục vụ bầu cử trong trường hợp còn sử dụng được; đồng thời, huy động các phương tiện đã được trang bị phục vụ công tác để phục vụ cho nhiệm vụ bầu cử đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước.

4. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng một mức bồi dưỡng, hỗ trợ cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng, hỗ trợ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Nội dung, mức chi

TT	NỘI DUNG CHI	Đơn vị tính	MỨC CHI		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Chi xây dựng các văn bản hướng dẫn phục vụ công tác bầu cử; các báo cáo, văn bản liên quan đến công tác bầu cử				
a	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử	Thực hiện theo Nghị quyết số 17/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 của HĐND tỉnh quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn			
b	Chi xây dựng các văn bản liên quan đến công tác bầu cử ngoài các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định (<i>Khoản đến sản phẩm cuối cùng, gồm: Kế hoạch, văn bản hướng dẫn công tác bầu cử, báo cáo tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử cấp tỉnh, huyện, xã</i>)	đồng/văn bản	800.000	600.000	400.000
2	Chi tổ chức hội nghị				
a	Hội nghị triển khai công tác bầu cử, hội nghị trực tuyến, hội nghị hiệp thương, hội nghị giao ban, hội nghị tổng kết:				
-	Hội trường	Đồng/hội nghị	400.000	300.000	200.000
-	Trang trí khánh tiết	Đồng/hội nghị	400.000	350.000	350.000
-	Nước uống	Đồng/buổi/ Đại biểu	5.000	5.000	5.000
-	Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp	Đồng/người/ /buổi	50.000	50.000	50.000
b	Hội nghị cử tri tại Doanh nghiệp, Hợp tác xã; Hội nghị cử tri nơi cư trú	Đồng/hội nghị	700.000	700.000	700.000
c	Hội nghị tiếp xúc cử tri vận động bầu cử	Đồng/điểm tiếp xúc	1.500.000	1.000.000	700.000

d	Chi tổ chức tập huấn công tác bầu cử	Thực hiện theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong nước do ngân sách địa phương đảm bảo			
3	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử				
a	Chi công tác phí, phương tiện đi lại	Thực hiện theo Nghị quyết số 39/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh			
b	Chi bồi dưỡng thành viên đoàn giám sát (<i>ngoài chế độ công tác phí ở trên</i>)				
-	Trưởng đoàn	Đồng /người/buổi	150.000	120.000	100.000
-	Thành viên chính thức	Đồng/người /buổi	100.000	80.000	60.000
-	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ trực tiếp	Đồng/người /buổi	70.000	50.000	30.000
-	Công chức, viên chức phục vụ gián tiếp (<i>lái xe</i>)	Đồng/người /buổi	50.000	40.000	30.000
c	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát (<i>gồm: Báo cáo tổng hợp kết quả của đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra giám sát trình Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử các cấp</i>)	Đồng/báo cáo	1.000.000	700.000	400.000
4	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử				
a	Người được giao trực tiếp	Đồng/người /buổi	50.000	50.000	50.000
b	Người phục vụ trực tiếp	Đồng/người /buổi	40.000	40.000	40.000
c	Người phục vụ gián tiếp	Đồng/người /buổi	30.000	30.000	30.000
5	Chi phí hành chính cho công tác bầu cử				
a	Chi hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ bầu cử				
-	Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban bầu cử	Đồng/tháng	150.000	120.000	100.000

-	Ủy viên uỷ ban bầu cử; Trưởng Ban bầu cử; Trưởng Tiểu ban bầu cử; Tổ trưởng Tổ giúp việc của Ủy ban bầu cử và Ủy ban mặt trận tổ quốc các cấp; Tổ trưởng Tổ bầu cử;	Đồng/tháng	120.000	100.000	80.000
b	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ bầu cử				
-	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng				
+	<i>Chủ tịch, Phó chủ tịch uỷ ban bầu cử</i>	Đồng/người/tháng	1.000.000	800.000	600.000
+	<i>Ủy viên uỷ ban bầu cử, Trưởng Ban bầu cử, Trưởng Tiểu ban bầu cử</i>	Đồng/người/tháng	700.000	500.000	400.000
+	<i>Các thành viên còn lại của Ban bầu cử, Tiểu ban bầu cử; Tổ giúp việc của Ủy ban bầu cử và Ủy ban mặt trận tổ quốc các cấp; Tổ trưởng Tổ bầu cử;</i>	Đồng/người/tháng	500.000	400.000	300.000
+	<i>Thành viên Tổ bầu cử</i>	Đồng/người/tháng			200.000
-	Bồi dưỡng theo ngày				
+	<i>Bồi dưỡng các đối tượng trực tiếp phục vụ công tác bầu cử trong thời gian huy động, trung tập (ngoài các đối tượng tham gia các Tiểu ban, Tổ giúp việc, Tổ bầu cử), không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; ngày phục vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử; ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử</i>	Đồng/người/ngày	50.000	50.000	50.000
+	<i>Bồi dưỡng các thành viên Tổ bầu cử ngày trước ngày bầu cử, ngày bầu cử và ngày sau bầu cử; các đối tượng trực tiếp tham gia phục vụ ngày trước ngày bầu cử, ngày bầu cử (chưa hưởng chế độ bồi dưỡng theo tháng)</i>	Đồng/người/ngày	150.000	150.000	150.000

c	Chi đóng hòm phiếu	Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, chi theo hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh, mức chi tối đa 350.000 đồng/hòm phiếu.
d	Chi khắc dấu của tổ chức bầu cử	Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, chi theo hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh, mức chi tối đa 250.000 đồng/dấu.
đ	Chi làm bảng niêm yết danh sách bầu cử	Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, chi theo hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh, mức chi tối đa 1.000.000 đồng/bảng.
e	Chi thuê địa điểm bỏ phiếu	Trường hợp phải đi thuê địa điểm, chi theo hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh, mức chi tối đa 500.000 đồng/điểm.
g	Chi trang trí, thuê loa đài tại tổ bầu cử	Trường hợp phải thuê, chi theo hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh, mức chi tối đa 1.000.000 đồng/Tổ bầu cử
6	Chi hỗ trợ tổ bầu cử (<i>khoản theo số lượng cử tri</i>)	- Tổ bầu cử có số lượng cử tri từ 200 cử tri trở xuống: 1.000.000 đồng/tổ; - Từ trên 200 đến 400 cử tri: 1.500.000 đồng/tổ; - Từ trên 400 cử tri trở lên: 2.000.000 đồng/tổ.
7	Các nội dung chi khác	
	<ul style="list-style-type: none"> - Chi in ấn tài liệu, ấn phẩm phục vụ bầu cử - Chi trang thiết bị phục vụ công tác bầu cử các cấp - Chi cho công tác bảo đảm an ninh, trật tự, thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn và vận động bầu cử - Chi vận chuyển phiếu bầu, quản lý và kiểm phiếu bầu - Chi văn phòng phẩm - Chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác bầu cử (<i>bao gồm các khoản chi phát sinh theo thực tế chưa được quy định tại các mục trên</i>) 	Thực hiện thanh toán theo các chứng từ chi hợp pháp trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo phân cấp.

Điều 4. Quy định về thời gian được hưởng hỗ trợ

1. Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử; hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động: Được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử từ khi có Quyết định thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử các cấp cho đến khi kết thúc nhiệm vụ (*Danh sách được hưởng hỗ trợ theo quyết định của cấp có thẩm quyền*), trong đó:

- Ủy ban bầu cử các cấp: Tối đa không quá 05 tháng.
- Ban bầu cử, Tiểu ban bầu cử, Tổ giúp việc các cấp: Tối đa không quá 03 tháng.
- Tổ bầu cử: Tối đa không quá 02 tháng.

2. Thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (*ngoài các đối tượng tham gia các Tiểu ban bầu cử, tổ giúp việc, Tổ bầu cử*) không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử; ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử (*Danh sách huy động, trung tập theo quyết định của cấp có thẩm quyền*), cụ thể:

- Cấp tỉnh: Không quá 10 ngày.
- Cấp huyện: Không quá 08 ngày.
- Cấp xã: Không quá 06 ngày./.